

Số: *21* /2015/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày *26* tháng *10* năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Hà Giang cụ thể như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quyết định này quy định mức trần thù lao công chứng đối với việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch, dịch văn bản, giấy tờ, sao chụp, đánh máy và các việc khác liên quan đến công chứng theo quy định của Luật Công chứng.

**2. Đối tượng áp dụng:**

a) Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu công chứng (gọi chung là người có yêu cầu công chứng).

b) Tổ chức hành nghề công chứng.

**3. Mức trần thù lao công chứng: Có Phụ lục kèm theo.**

**Điều 2.** Trách nhiệm của các tổ chức hành nghề công chứng

1. Các tổ chức hành nghề công chứng phải xác định mức thù lao cụ thể đối với từng loại việc không vượt quá mức trần thù lao công chứng quy định tại Quyết định này và phải niêm yết công khai các mức thù lao công chứng tại trụ sở của mình.

Tổ chức hành nghề công chứng thu thù lao công chứng cao hơn mức trần thù lao công chứng quy định tại Quyết định này và mức thù lao công chứng đã niêm yết tại trụ sở của mình thì bị xử lý theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp văn bản pháp luật của Trung ương có quy định khác).

2. Tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm giải thích rõ cho người có yêu cầu công chứng về thù lao công chứng.

3. Tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn thu thù lao công chứng theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện mức thu thù lao công chứng theo quy định tại Quyết định này và văn bản pháp luật khác có liên quan.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; tổ chức hành nghề công chứng và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Hỗ trợ tư pháp);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh (NC, KT);
- Trung tâm Công báo tin học tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NC, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



**Đàm Văn Bông**

**Phụ lục**  
**MỨC TRẦN THỦ LÃO CÔNG CHỨNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**  
 (Kèm theo Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)



SỐ TT		MỨC TRẦN THỦ LÃO (đồng/trường hợp)
I	<b>SOẠN THẢO, ĐÁNH MÁY HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH</b>	
1	Các Hợp đồng theo quy định của Luật Thương mại	300.000
2	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản	200.000
3	Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất	150.000
4	Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất	150.000
5	Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất	100.000
6	Hợp đồng thế chấp tài sản, cầm cố tài sản, bảo lãnh tài sản	100.000
7	Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất; thuê nhà ở; thuê tài sản	100.000
8	Hợp đồng vay tiền	100.000
9	Di chúc	150.000
10	Hợp đồng ủy quyền	100.000
11	Hợp đồng mua bán, tặng cho ô tô	100.000
12	Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng giao dịch	100.000
13	Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng giao dịch	100.000
14	Văn bản từ chối nhận di sản	50.000
15	Hợp đồng mua bán tặng cho xe máy	50.000
16	Giấy ủy quyền	50.000
17	Các hợp đồng, giao dịch khác	100.000

<b>II</b>	<b>DỊCH GIẤY TỜ, VĂN BẢN</b>	
1	Dịch từ tiếng Anh, tiếng Trung Quốc hoặc của các nước thuộc EU sang tiếng Việt	120.000/trang
2	Dịch từ tiếng nước ngoài khác sang tiếng Việt	150.000 /trang
3	Dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh, tiếng Trung Quốc hoặc tiếng của các nước thuộc EU	120.000/trang
4	Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài khác	150.000/trang
<b>III</b>	<b>SAO CHỤP VĂN BẢN</b>	
1	Sao chụp văn bản (trang A4)	500/trang
2	Sao chụp văn bản (trang A3)	1.000/trang
<b>IV</b>	<b>CÁC VIỆC KHÁC</b>	
1	Công bố di chúc	100.000
2	Niên yết thông báo hồ sơ thừa kế, công chứng ngoài trụ sở theo quy định của Luật Công chứng năm 2014.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưới 10km mức thu 100.000 đ.</li> <li>- Từ 10km đến dưới 20km mức thu 200.000 đ.</li> <li>- Từ 20km trở lên người yêu cầu công chứng thanh toán cho các tổ chức hành nghề công chứng theo quy định về công tác phí do HĐND tỉnh ban hành (Thanh toán theo định mức của cán bộ, công chức).</li> </ul>
3	Các việc khác không có trong danh mục này	Thu theo thỏa thuận